TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 216/2018/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy:

Nguyên đơn bà G, bà N , ông X chết có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà M , bà D , ông P chết có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà O, bà S có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K, bà L có đơn rút đơn yêu cầu độc lập ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, rút đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 357/2014/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2014 về việc "Tranh chấp về thừa kế", giữa:

Nguyên đơn:

1. Bà G, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số A, phường B, huyện C, tỉnh D.

2. Bà N , sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số A1, phường B1, huyện C1, tỉnh D.

3. Ông X, sinh năm: 1955 (chết)

Địa chỉ: Số A2, phường B2, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà M , sinh năm: 1955, bà D , sinh năm: 1982.

4. Ông P , sinh năm: 1950 (chết)

Địa chỉ: Số A2, phường B3, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: bà O , sinh năm: 1972, bà S , sinh năm: 1974

Bị đơn:

Bà N , sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số A3, phường B3, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà M , sinh năm: 1955
Địa chỉ: Số A4, phường B4, huyện C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông T , sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số A5, phường B5, huyện C5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông L, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số A6, phường B6, huyện C6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông D1 , sinh năm: 1960

Địa chỉ: 124 Winstead Dr Brunswick GA 31525 USA.

5. Ông V , sinh năm: 1952 (Chết)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà G đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 009420 ngày 02/11/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, số tiền 8.378.000 đồng theo biên lai thu số 00392 ngày 01/8/2012 của Cục thi hành án dân sự tỉnh D.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 009419 ngày 02/11/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 00399 ngày 03/9/2012 của Cục thi hành án dân sự tỉnh D.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông P đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 009418 ngày 02/11/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông X đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 009421 ngày 02/11/2006, số tiền 3.727.600 đồng theo biên lai thu số 03857 ngày 18/5/2011 và số tiền 4.850.400 đồng theo biên lai thu số 03892 ngày 24/8/20111 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà K đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0048804 ngày 05/02/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0048803 ngày 05/02/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ

Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cục THADS tỉnh D;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Lê Thọ Viên